

Bản án số: 130/2021/DS-PT

Ngày: 05 - 7 - 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 108/2021/QĐXX-PT ngày 20 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí C, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 394, đường Q, khóm T, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Minh C, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 215, đường Nguyễn D, khóm T, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Theo Giấy ủy quyền ngày 10/8/2020) (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp Xẻo L, xã Viên An Đ, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau (Theo Giấy ủy quyền ngày 04/12/2020) (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Bảo T, sinh năm 1993 (vắng)

Địa chỉ: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Nguyễn Văn T1 (đã chết).

Địa chỉ: Ấp T, xã An X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Tường:*

2.1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1959 (vắng)

2.2. Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1980 (vắng)

2.3. Ông Nguyễn Văn Q (vắng)

2.4. Ông Nguyễn Văn B (vắng)

2.5. Bà Nguyễn Thị P (vắng)

2.6. Bà Nguyễn Thị Thu H (vắng)

Cùng địa chỉ: Ấp Tân D, xã An X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Chí C có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Minh C trình bày:

Ngày 24/3/2010, ông Nguyễn Chí C có cho ông Nguyễn Văn H mượn số tiền 150.000.000 đồng, thời gian mượn 02 tháng không tính lãi, từ tháng thứ ba trở về sau ông H phải đóng lãi 1%/tháng. Tại thời điểm mượn tiền không có làm biên nhận, đến ngày 24/4/2010 ông H mới làm giấy nhận nợ. Do ông H bị kết án và chấp hành án trong vụ án hình sự nên ông H không trả số tiền mượn cho ông C. Sau khi ông H chấp hành xong án thì ông C yêu cầu ông H trả số tiền mượn nhưng ông H không trả. Đồng thời, từ khi mượn tiền đến nay ông H và gia đình ông H không có ai đứng ra trả cho ông C số tiền mượn cả vốn và lãi.

Nay ông C yêu cầu ông H trả số tiền mượn 150.000.000 đồng, ông C không yêu cầu ông H trả lãi số tiền mượn.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Do quen biết nên ngày 24/01/2010 (dương lịch) ông Nguyễn Văn H có mượn của ông Nguyễn Chí C số tiền 150.000.000 đồng, khi mượn tiền có làm giấy nhận nợ ngày 24/01/2010 do ông ký tên, thời gian mượn tiền là 02 tháng không tính lãi, sau 02 tháng nếu không có tiền trả cũng không tính lãi. Sau đó hơn 01 tháng ông H trực tiếp đứng ra trả đủ cho ông C số tiền mượn, nhưng do lâu quá nên ông H không nhớ trả số tiền này cho ông C ở tại đâu, lúc trả tiền không có làm giấy tờ và cũng không có ai chứng kiến. Ông H xác định số tiền trên gia đình ông

H không có ai đứng ra trả thay cho ông H. Tại thời điểm mượn tiền và trả tiền cho ông C, ông H sống độc thân chưa có vợ, số tiền mượn không có liên quan đến ai, đến ngày 29/11/2017 ông H mới kết hôn với vợ là bà Nguyễn Bảo T, số tiền mượn không có liên quan gì đến bà T.

Nay ông H không thống nhất trả cho ông C số tiền mượn 150.000.000 đồng, do số tiền này ông H đã trả xong cho ông C. Ngoài ra, ông H yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện, vì thời gian kể từ khi làm giấy nhận nợ đến khi ông C khởi kiện đã trên 10 năm theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện không còn, do đó việc khởi kiện của ông C là không hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Bảo T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn H kết hôn vào ngày 29/11/2017, đối với giao dịch tiền bạc giữa ông H và ông C diễn ra trước khi bà và ông H kết hôn nên bà không nắm rõ, số tiền ông C khởi kiện ông H không có liên quan gì đến bà. Bà xin không tham gia tố tụng và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H trình bày:

Trước đây không nhớ thời gian, con bà là ông Nguyễn Văn H có vay mượn tiền của ông Nguyễn Chí C nhưng không nắm rõ số tiền bao nhiêu. Sau đó, lúc ông H còn đang chấp hành án trong vụ án hình sự thì bà có nghe ông H nói lại số tiền nợ 150.000.000 đồng, nhưng ông H đã trả cho ông C được 120.000.000 đồng, phần còn lại ông H có nhờ chồng bà là ông T trả dùm cho ông C số tiền 30.000.000 đồng, lúc ông T trả tiền cho ông C không có làm biên nhận và không có ai chứng kiến.

Nay bà không có yêu cầu số tiền ông Tướng đã trả cho ông C số tiền 30.000.000 đồng. Bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Q trình bày:

Ông không nắm rõ về giao dịch vay mượn tiền giữa ông H và ông C cũng như sự việc cha ông là ông T trả số tiền cho ông C. Nay ông không có yêu cầu số tiền ông T đã trả cho ông C. Ông xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện U đã quyết định:

Căn cứ các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Chí C yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả số tiền vay theo giấy nhận nợ lập ngày 24/4/2010 (phía dưới giấy nhận nợ ghi ngày 24/01/2010).

Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán tiền vay cho ông Nguyễn Chí C với số tiền 150.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 07/4/2021 bị đơn là ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm; yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi vì Nguyễn Chí C và Ng. Chí Công không là cùng một người; thời hiệu khởi kiện đã hết.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm; Bị đơn không đưa ra được chứng cứ cho yêu cầu kháng cáo, bởi vì ông H thừa nhận thiếu nợ ông Nguyễn Chí C.

Đại diện bị đơn trình bày: giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn. Án sơ thẩm chỉ căn cứ vào biên bản để phán quyết chứ không cho hai bên giáp mặt, đề nghị triệu tập ông C và ông H đối chất; biên nhận nợ không rõ ràng, có sửa ngày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn với những căn cứ: Không có căn cứ xác định Nguyễn Chí C và Ng. Chí Công là cùng một người; thời hiệu khởi kiện đã hết

2.1- Xem xét nội dung kháng cáo Nguyễn Chí C và Ng. Chí Công không là cùng một người

Nguyên đơn khởi kiện có cung cấp cho Tòa án giấy chứng minh nhân dân thể hiện Nguyễn Chí C; Tại biên bản ghi lời khai ngày 01/11/2020 (bút lục 66) anh Nguyễn Văn H trình bày: Do quen biết, nên vào ngày 24/01/2010 anh có mượn của Nguyễn Chí C số tiền 150.000.000 đồng, chữ ký tên trong biên nhận nợ do anh Công cung cấp là chữ ký của của anh Hải; tại đơn yêu cầu đề ngày 01/02/2021 (bút

lục 71) anh Hải trình bày: *Tháng 7/2020 anh Nguyễn Chí C khởi kiện đến Tòa án yêu cầu tôi trả 150.000.000 đồng, căn cứ anh Công khởi kiện là giấy nhận nợ, nhưng thời hạn mượn đã lâu, yêu cầu xem xét thời hiệu.*

Hội đồng xét xử nhận thấy, qua các lời khai của ông H có trong hồ sơ, thì ông H xác nhận có giao dịch với ông Nguyễn Chí C và có thiếu nợ ông Nguyễn Chí C; thông thường để thuận tiện khi viết văn bản nên viết tắt họ “Nguyễn” thành “Ng” hoặc có khi không viết họ và chữ lót mà chỉ ghi tên, bị đơn kháng cáo cho rằng Nguyễn Chí C và Ng. Chí Công là hai người khác nhau là không có căn cứ.

2.2- Xem xét kháng cáo về thời hiệu khởi kiện

Tại Điều 2 của Nghị quyết số: 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định đối với các tranh chấp phát sinh trước ngày 01/1/2017 thì áp dụng quy định về thời hiệu tại Điều 159 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2011. Tại Điều 23 Nghị quyết số: 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 3 Điều 159 của Bộ luật tố tụng dân sự và tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP quy định: *“Đối với tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, về đòi lại tài sản,...thông qua giao dịch dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện”.*

Nhận thấy, trong vụ án này, nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 150.000.000 đồng là số tiền nợ gốc theo giấy nhận nợ ngày 24/01/2010, xem như nguyên đơn đòi lại tài sản tiền gốc đã cho bị đơn vay, nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó, kháng cáo của bị đơn cho rằng thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết là không có cơ sở.

2.3- Bị đơn kháng cáo yêu cầu bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, bởi lẽ bị đơn ông H thừa nhận có thiếu nợ và đã thanh toán đủ, nhưng bị đơn không có chứng cứ để chứng minh cho việc trả nợ. Việc bị đơn trình bày đã trả nợ đủ cho nguyên đơn có sự mâu thuẫn, tại bút lục 66 ông H trình bày số nợ của ông C chính ông H trực tiếp trả cho ông C; tại bút lục 61 cụ Trần Thị Hây (mẹ Hải) trình bày trong số nợ 150.000.000đ thì cụ Tường trực tiếp trả 30.000.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn yêu cầu triệu tập Nguyễn Chí C và Nguyễn Văn H để đối chất, Hội đồng xét xử xét thấy Nguyễn Chí C và Nguyễn Văn H đã có người đại diện hợp pháp và những nội dung liên đến tranh chấp đã thể hiện đầy đủ trong hồ sơ.

[4] Từ sự phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện U

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí phúc thẩm đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau.

Áp dụng các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Chí C yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả số tiền vay theo giấy nhận nợ lập ngày 24/4/2010 (phía dưới giấy nhận nợ ghi ngày 24/01/2010).

Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán tiền vay cho ông Nguyễn Chí C với số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ khi ông Nguyễn Chí C có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Văn H chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí

2.1- Án phí dân sự có giá ngạch ông Nguyễn Văn H phải chịu 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm ngàn đồng*). Ông Nguyễn Chí C không phải chịu án phí, ngày 12/8/2020 ông C nộp tạm ứng án phí số tiền 3.750.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm chục ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0005132 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U được nhận lại.

2.2- Án phí phúc thẩm: Ông H phải chịu 300.000 đồng. Ngày 08/4/2021 ông Nguyễn Văn H nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 theo biên lai thu số 0010012 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U được chuyển thu.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền

